

Bản án số: 45/2025/HS-ST
Ngày: 29-8-2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nữ

Ông Đặng Minh Lý

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HS ngày 04/8/2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T. Giới tính: Nam. Sinh năm: 1986 tại tỉnh Bình Phước. CCCD số: 070086003720. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ I, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Chỗ ở: Nhà trọ Phạm Thị K, số B, đường N, tổ E, khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, thành phố Hồ Chí Minh). Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị T1(chết); Vợ tên Cao Thị Thu T2. Sinh năm: 1991. Nghề nghiệp: Buôn bán (Đã ly hôn) bị cáo có 02 người con; lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt ngày 21/02/2025 và tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- **Bị hại:** Công ty TNHH C, địa chỉ trụ sở: Số A, Đại lộ B, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Hữu L, sinh năm 1974, địa chỉ: Số A, Tổ C, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Trần Đình H, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Nai).

+ Bà Lê Thị H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Phước (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai).

+ Ông Lê Văn T3, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai).

+ Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai).

+ Bà Tạ Thị Thanh H2, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai).

+ Bà Vũ Thị H3, sinh năm 1981; địa chỉ: Đường Đ, ấp D, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai).

+ Ông Vũ Hoài N, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

+ Bà Phan Thị Thanh H4, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường B, tỉnh Đồng Nai).

+ Ông Lê Ngọc V, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai).

+ Ông Đỗ Thanh H5, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai).

+ Ông Bùi Hữu V1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

+ Ông Mai Công Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ F, khu phố I, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (nay là phường P, tỉnh Đồng Nai).

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 1985; Ngụ tại 1 L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/03/2024, Nguyễn Thành T gửi đơn xin làm việc tại Công ty TNHH C (viết tắt là Công ty C), địa chỉ tại số A, đường Đ, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, thành phố Hồ Chí Minh). Lúc này, ông Lê Hữu L, sinh năm 1974, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A, tổ C, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) là Giám đốc Công ty C đồng ý nhận T vào làm với công việc phụ trách bán hàng với mức lương là 6.000.000 đồng/tháng và có kèm theo tiền thưởng theo doanh số bán hàng. Tuy nhiên, Công ty C và Nguyễn Thành T chưa ký kết hợp đồng lao động do T còn trong giai đoạn thử việc và Nguyễn Thành T được Công ty C phân công nhiệm vụ làm việc trực tiếp với khách hàng để phát mẫu thị trường, chào giá, nhận đơn hàng gửi về phòng kinh doanh, theo dõi, thu hồi công nợ và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình bán hàng tại địa bàn tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước (nhân viên bán hàng). Nhiệm vụ trên của Nguyễn Thành T đã được Công ty C thông báo bằng Thông báo số 20122020 ngày 20/12/2020 của Công ty C và thông báo trên đều được gửi cho các nhân viên bán hàng khi vào làm việc.

Từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024, Nguyễn Thành T lợi dụng việc được giao nhiệm vụ giao hàng và thu tiền của các khách hàng sau đó đem về giao lại cho Công ty

C nhưng Nguyễn Thành T không giao lại tiền mà chiếm đoạt tiền của Công ty C, cụ thể như sau:

1. Hộ kinh doanh Cửa hàng gạch men, thiết bị vệ sinh Bảo N1 (tên kinh doanh là cửa hàng B1), địa chỉ tại đường C, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

- Ngày 19/6/2024, Nguyễn Thành T giao hàng là 02 bộ bồn cầu mã M606 cho cửa hàng B1 với giá trị thanh toán là 2.610.000 đồng. Đại diện cửa hàng B1 thanh toán tiền mặt số tiền 2.610.000 đồng cho Nguyễn Thành T.

- Ngày 24/6/2024, Nguyễn Thành T giao hàng 02 bồn cầu mã V90 cho cửa hàng B1 với giá trị thanh toán là 2.784.000 đồng. Nguyễn Thành T giảm giá 384.000 đồng, giá trị còn thanh toán là 2.400.000 đồng (Công ty C đồng ý giảm giá). Đại diện cửa hàng B1 thanh toán chuyển khoản số tiền 2.400.000 đồng vào tài khoản số 1110000296296 của Nguyễn Thành T tại Ngân hàng B2.

Tổng số tiền do cửa hàng B1 thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty C là 5.010.000 đồng (bút lục 141-142, 151).

2. Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T5 (tên kinh doanh là cửa hàng Đ1), địa chỉ tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

- Ngày 27/4/2024, hộ kinh doanh Nguyễn Văn T5 mua hàng hoá là 03 bộ bồn cầu của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng có giá trị thanh toán là 4.105.000 đồng. Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T5 đã thanh toán bằng tiền mặt số tiền trên cho Nguyễn Thành T.

- Ngày 28/5/2024, hộ kinh doanh Nguyễn Văn T5 mua hàng hoá là 02 bộ bồn cầu của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng có giá trị thanh toán là 2.523.000 đồng. Hộ kinh doanh Nguyễn Văn T5 đã thanh toán bằng tiền mặt số tiền trên cho Nguyễn Thành T.

- Ngày 24/6/2024, hộ kinh doanh Nguyễn Văn T5 đặt mua hàng hoá là 10 bộ bồn cầu mã V97 của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng có giá trị thanh toán là 13.500.000 đồng nhưng cửa hàng Nguyễn Văn T5 từ chối nhận do không đúng mẫu như chào hàng. Sau đó, Nguyễn Thành T đã bán số hàng hóa trên cho khách lẻ khác (không rõ nơi bán) được số tiền 13.500.000.

Tổng số tiền do hộ kinh doanh Nguyễn Văn T5 và khách lẻ thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty C là 20.128.000 đồng.

3. Hộ kinh doanh Sơn Lê T6, địa chỉ tại ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

Ngày 14/5/2024, H6 mua 05 bộ bồn cầu sứ mã M606 của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng có giá trị thanh toán là 6.162.000 đồng. Do Nguyễn Thành T giao hàng chậm, cửa hàng đóng cửa nên Nguyễn Thành T bán cho khách lẻ khác được số tiền 6.162.000 đồng nhưng không giao tiền về cho Công ty C.

Tổng số tiền do khách lẻ thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty C là 6.162.000 đồng (bút lục số 168-169, 171, 174).

4. Hộ kinh doanh Nguyễn Thị A (cửa hàng H7), địa chỉ tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

Ngày 21/6/2024, cửa hàng H7 có mua số hàng bồn cầu sứ mã M606 số lượng 10 (mười) bộ với số tiền 12.500.000 đồng và đã thanh toán đủ số tiền 12.500.000 đồng cho Nguyễn Thành T. Sau đó, Nguyễn Thành T đã giao số tiền 6.350.000 đồng về cho Công ty C, số tiền còn lại là 6.150.000 đồng thì T chiếm đoạt.

Tổng số tiền do cửa hàng H7 thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty C là 6.150.000 đồng (bút lục số 176-177, 180-181).

5. Công ty TNHH T8 (tên kinh doanh là Công ty T8), địa chỉ tại số C, đường Đ, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

Ngày 01/7/2024, Công ty T8 mua hàng hoá là gạch men của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng với giá trị thanh toán là 4.662.000 đồng, được giảm giá còn số tiền 4.410.000 đồng (trong biên độ giảm giá cho phép của Công ty C). Ngày 02/7/2024, Công ty T8 chuyển khoản số tiền 4.410.000 đồng vào tài khoản số 11110000296296 của Nguyễn Thành T tại Ngân hàng B2 để thanh toán tiền đối với Công ty C nhưng Nguyễn Thành T chiếm đoạt không giao số tiền 4.410.000 đồng về cho Công ty C.

Tổng số tiền do Công ty T8 thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty C là 4.410.000 đồng (bút lục số 183-184, 189-192, 196).

6. Công ty TNHH T8 (tên kinh doanh là Công ty T8), địa chỉ tại đường Đ, ấp D, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

- Ngày 24/4/2024, Công ty T8 6 mua 10 bộ bồn cầu mã M606 của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng với giá trị thanh toán là 12.325.000 đồng. Nguyễn Thành T Trung thu tiền mặt số tiền 12.325.000 đồng.

- Ngày 08/6/2024, Công ty T8 6 mua 05 bộ bồn cầu mã M606 của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng với giá trị thanh toán là 6.162.500 đồng. Nguyễn Thành T Trung thu tiền mặt số tiền 6.162.500 đồng.

Tổng số tiền do Công ty T8 thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty TNHH C là 18.487.500 đồng (bút lục số 200-201, 208-210).

7. Hộ kinh doanh Vũ Hoài N (tên kinh doanh là cửa hàng N2), địa chỉ tại thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

- Ngày 16/5/2024, cửa hàng N2 đặt mua 05 bộ bồn cầu sứ gồm 03 bộ mã V97 và 02 bộ mã M90 của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng có giá trị thanh toán là 6.150.000 đồng. Do T giao hàng chậm, cửa hàng đóng cửa nên Nguyễn Thành T không bán cho cửa hàng N2 mà bán cho khách lẻ khác được số tiền 6.150.000 đồng nhưng T không giao về cho Công ty C.

- Ngày 07/6/2024, Nguyễn Thành T giao hàng gạch men cho cửa hàng N2 với giá trị thanh toán là 17.890.560 đồng (Công ty C giảm giá 230.560 đồng). Ngày 08/6/2024, cửa hàng N2 chuyển khoản số tiền 17.660.000 đồng vào tài khoản số 050130218511 của Nguyễn Thành T tại Ngân hàng S1.

Tổng số tiền do cửa hàng N2 và khách lẻ thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty C là 23.810.000 đồng.

8. Công ty TNHH T9 (tên kinh doanh là cửa hàng Thế Giới S), địa chỉ tại số A, đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

- Ngày 25/6/2024, Công ty T9 mua hàng hoá là gạch men của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng với giá trị thanh toán là 4.908.960 đồng. Đại diện Công ty T9 chưa thanh toán tiền hàng trên. Cùng ngày 25/06/2024, Công ty T9 mua hàng hoá là gạch men của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng với giá trị thanh toán là 938.000 đồng (đơn hàng này cửa hàng khác đặt mua nhưng sau đó không mua nên T đem bán cho Công ty T9). Đại diện Công ty T9 chưa thanh toán tiền hàng.

- Ngày 28/6/2024, Công ty T9 mua hàng hoá là gạch men của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng với giá trị thanh toán là 6.168.960 đồng. Tổng công nợ thời điểm này là 12.015.920 đồng. Được giảm giá còn lại là 11.890.000 đồng. Công ty T9 chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản số 11110000296296 của Nguyễn Thành T tại Ngân hàng B2. Công nợ còn lại là 1.890.000 đồng.

- Ngày 02/7/2024, Công ty T9 mua hàng hoá là gạch men của Công ty C do Nguyễn Thành T giao hàng với giá trị thanh toán là 1.266.000 đồng. Tổng công nợ Công ty T9 thông báo cho Nguyễn Thành T là 3.056.000 đồng (giảm giá 100.000 đồng). Công ty T9 chuyển khoản số tiền 3.056.000 đồng vào tài khoản số 11110000296296 của Nguyễn Thành T tại Ngân hàng B2 để thanh toán hết công nợ đối với Công ty C.

Tổng số tiền do Công ty T9 thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty C là 13.056.000 đồng (bút lục số 238-239, 246, 250, 256).

9. Hộ kinh doanh Lê Ngọc V2 (tên kinh doanh là cửa hàng V3), địa chỉ tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

Từ ngày 05/6/2024 đến ngày 27/6/2024, hộ kinh doanh Lê Ngọc V2 có mua hàng của Công ty C với tổng giá trị thanh toán là 43.013.440 đồng. Hộ kinh doanh Lê Ngọc V2 trả về một số hàng hóa trị giá là 806.400 đồng. Nguyễn Thành Trung thu tiền mặt số tiền 37.803.520 đồng (trả tròn 37.804.000 đồng để thanh toán số tiền 37.803.520 đồng). Thời điểm trên, hộ kinh doanh Lê Ngọc V2 còn nợ Công ty C số tiền là 4.403.520 đồng. Nguyễn Thành Trung chuyển về công ty TNHH C số tiền 803.520 đồng.

Tổng số tiền hàng do hộ kinh doanh Lê Ngọc V2 thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty C là 37.000.000 đồng (bút lục số 265-266, 269).

10. Hộ kinh doanh H, địa chỉ tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

Ngày 24/5/2024, Hộ kinh doanh H8 có mua hàng hóa là bồn cầu sứ số lượng 06 bộ với số tiền 8.520.000 đồng và đã thanh toán đủ số tiền 8.520.000 đồng cho Nguyễn Thành T nhưng Nguyễn Thành T chỉ nộp về Công ty C là 3.700.000 đồng.

Tổng số tiền hàng do hộ kinh doanh H8 thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty TNHH C là 4.820.000 đồng (bút lục số 270-271, 273, 276).

11. Cửa hàng V4, địa chỉ tại tổ F, khu phố I, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

Ngày 27/6/2024, cửa hàng V4 có mua số hàng hóa là gạch với số tiền 27.875.000 đồng, được giảm giá số tiền 115.520 đồng, số tiền còn thanh toán là 27.760.000 đồng. Cửa hàng V4 đã thanh toán đủ số tiền 27.760.000 đồng cho Nguyễn Thành T nhưng Nguyễn Thành T không nộp tiền về Công ty C.

Tổng số tiền hàng do cửa hàng V4 thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty C là 27.760.000 đồng (bút lục số 341-342, 346, 351).

12. Cửa hàng H9, địa chỉ tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai):

Từ ngày 21/5/2024 đến ngày 17/6/2024, cửa hàng H9 có mua hàng hóa là gạch với số tiền 18.917.000 đồng, được giảm giá số tiền 102.000 đồng và cửa hàng H9 đã thanh toán đủ số tiền 18.815.000 đồng cho Nguyễn Thành T nhưng Nguyễn Thành T không nộp tiền về Công ty C.

Tổng số tiền do cửa hàng H9 thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty C là 18.815.000 đồng (bút lục số 324-325, 329, 330, 338).

13. Cửa hàng P, địa chỉ tại số A, khu phố A, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Từ ngày 20/5/2024 đến ngày 06/6/2024, cửa hàng P không có đặt mua số hàng là gạch với số tiền 18.415.000 đồng nhưng T nói cửa hàng P đã đặt mua nên khi T giao hàng đến thì cửa hàng P đã đóng cửa. Sau đó, T bán số hàng là gạch trên cho khách lẻ được số tiền 18.415.000 đồng nhưng Nguyễn Thành T không nộp tiền về Công ty C.

Tổng số tiền do khách lẻ thanh toán bị Nguyễn Thành T chiếm đoạt, không nộp về Công ty C là 18.415.000 đồng (bút lục số 311, 355).

* Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thành Trung T7 của các khách hàng rồi chiếm đoạt và không giao lại cho Công ty C là 204.023.500đ (hai trăm lẻ bốn triệu, không trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Ngày 23/10/2024, ông Lê Hữu L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (Phòng PC03) nộp đơn tố giác hành vi của Nguyễn Thành T. Ngày 25/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (Phòng PC03) chuyển nguồn tin tố giác của ông Lê Hữu L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành T khai nhận hành vi được Công ty C tin tưởng giao nhiệm vụ quản lý bán hàng, giao hàng và thu tiền của các khách hàng rồi giao nộp lại cho Công ty C nhưng sau khi thu tiền thì T không giao lại mà chiếm đoạt của Công ty C.

Cáo trạng số 02/CT-VKSKV15 ngày 09/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Tham ô tài sản” theo các điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản

2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T mức hình phạt từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 23/7/2025 đại diện gia đình bị cáo là bà Nguyễn Thị Ngọc T4 đã nộp khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền 204.023.500đồng cho Công ty TNHH C và Công ty C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: không

Về xử lý vật chứng: Không có

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và có cơ hội cải tạo thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024, tại Công ty TNHH C, địa chỉ tại số A, đường Đ, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Thành T được ông Lê Hữu L là Giám đốc Công ty TNHH C giao nhiệm vụ quản lý bán hàng, giao hàng và thu tiền của các khách hàng rồi giao lại cho Công ty C, tuy nhiên Nguyễn Thành T đã không giao lại tiền thu của khách hàng mà chiếm đoạt tổng số tiền là 204.023.500đồng (hai trăm lẻ bốn triệu, không trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng) của Công ty TNHH C. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” được quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bất chấp sự trừng phạt của pháp luật,

thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Ngày 23/7/2025, bị hại Công ty C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 07 (bảy năm) tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/02/2025.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh
- Phân Trại tạm giam Khu vực Thủ Dầu Một
thuộc Trại tạm giam số 2- Công an TP.HCM
- VKSND Khu vực 15 Thành phố HCM
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
(Phòng THADS khu vực 15 Tp.HCM)
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Vp, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong